

Số: 187/QĐ-UBND

Bạc Liêu, ngày 14 tháng 02 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Xây dựng; Sở Giao thông vận tải; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Sở Công Thương; Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Bạc Liêu

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung, một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 1334/QĐ-BXD ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc công bố thủ tục hành chính được thay thế, bãi bỏ trong lĩnh vực hoạt động xây dựng thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 18/TTr-SXD ngày 05 tháng 02 năm 2025 và các ý kiến đóng góp của các cơ quan, đơn vị liên quan.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục 02 (hai) thủ tục hành chính mới ban hành thuộc phạm vi, thẩm quyền giải quyết của Sở Xây dựng; Sở Giao thông vận tải; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Sở Công Thương; Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Bạc Liêu, lĩnh vực: Hoạt động xây dựng (kèm Phụ lục).

Điều 2. Giao trách nhiệm Sở Xây dựng:

Triển khai, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị liên quan việc tổ chức thực hiện thủ tục hành chính tại Phụ lục kèm theo Quyết định này đúng quy định; theo dõi, tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện (trong kỳ báo cáo tình hình, kết quả công tác Kiểm soát thủ tục hành chính, triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử).

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Xây dựng; Giao thông vận tải; Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Công Thương; Trưởng ban Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh; Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / . *llz*

Nơi nhận: *llz*

- Như Điều 4;
- Cục KSTTHC, VPCP (đề b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Sở TT&TT (đồng bộ TTHC);
- Công TT điện tử tỉnh;
- Bưu điện tỉnh;
- Tr. Phòng KT;
- Tr. Phòng KSTTHC;
- Lưu: VT, KSTTHC (Thủy-024).

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH *Th*



Huỳnh Hữu Trí

Phụ lục 1

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH THUỘC THẨM QUYỀN
GIẢI QUYẾT CỦA CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ: XÂY DỰNG; GIAO THÔNG VẬN TẢI; NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT
TRIỂN NÔNG THÔN; CÔNG THƯƠNG; BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP TỈNH**
(lĩnh vực: Hoạt động xây dựng)

(Ban hành kèm theo Quyết định Số: 187/QĐ-UBND ngày 14 tháng 02 năm 2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Bạc Liêu)

Số TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
1	1.013239. H04	Thủ tục: Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/ Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng điều chỉnh	- Trong 35 ngày (đối với Dự án nhóm A); - Trong 25 ngày, (đối với Dự án nhóm B); - Trong 15 ngày (đối với Dự án nhóm C); kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bạc Liêu (đường Nguyễn Văn Linh, Phường 1, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu)	(1) Trực tiếp; (2) Trực tuyến một phần tại địa chỉ https://dichvucong.baclieu.gov.vn hoặc https://dichvucong.gov.vn ; (3) Qua dịch vụ bưu chính công ích.	Phí: Thu theo quy định tại Thông tư số 28/2023/TT-BTC ngày 12/5/2023 (Phụ lục 2)	- Luật Xây dựng năm 2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020; - Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng; - Thông tư số 28/2023/TT-BTC ngày 12/5/2023 của Bộ trưởng

							Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng.
2	1.013234. H04	Thủ tục: Thẩm định Thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở/ Thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở điều chỉnh	<ul style="list-style-type: none"> - Trong 40 ngày (đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I) - Trong 30 ngày (đối với công trình cấp II và cấp III); - Trong 20 ngày (đối với công trình còn lại), kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. 	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bạc Liêu (đường Nguyễn Văn Linh, Phường 1, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu)	<ul style="list-style-type: none"> (1) Trực tiếp; (2) Trực tuyến một phần tại địa chỉ https://dichvucong.baclieu.gov.vn hoặc https://dichvucong.gov.vn; (3) Qua dịch vụ bưu chính công ích. 	<p style="text-align: center;">Phí:</p> <p>Thu theo quy định tại Thông tư số 27/2023/TT-BTC ngày 12/5/2023 (Phụ lục 2)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Xây dựng năm 2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020; - Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng; - Thông tư số 27/2023/TT-BTC ngày 12/5/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định thiết kế kỹ thuật, phí thẩm định dự toán xây dựng.

Tổng số: 02 thủ tục hành chính./.



Phụ lục 2

DANH MỤC THU PHÍ THẨM ĐỊNH

(Ban hành kèm theo Quyết định Số: 187/QĐ-UBND ngày 14 tháng 02 năm 2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Bạc Liêu)

I. THẨM ĐỊNH BÁO CÁO NGHIÊN CỨU KHẢ THI ĐẦU TƯ XÂY DỰNG:

(Thu phí theo Thông tư số 28/2023/TT-BTC ngày 12/5/2023 của Bộ Tài chính)

Phí thẩm định = $(G_{XD} + G_{TB} + G_{QLDA} + G_{TV}) \times \text{hệ số } \%$

BIỂU MỨC THU PHÍ THẨM ĐỊNH DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG (PHÍ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO NGHIÊN CỨU KHẢ THI ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HOẶC PHÍ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO KINH TẾ - KỸ THUẬT)

(Ban hành kèm theo Thông tư số 28/2023/TT-BTC ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Tổng mức đầu tư dự án (tỷ đồng)	Tỷ lệ (%)
≤15	0,019
25	0,017
50	0,015
100	0,0125
200	0,01
500	0,0075
1.000	0,0047

2.000	0,0025
5.000	0,002
≥10.000	0,001

Ví dụ:

Thu phí thẩm định BCNCKT: $(G_{XD} + G_{TB} + G_{QLDA} + G_{TV}) \times 0,0177\% \times 50\% = 1.742.508$ đồng

- Phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng tối đa không quá 150.000.000 đồng/tổng mức đầu tư dự án/cơ quan thẩm định và tối thiểu không dưới 500.000 đồng/tổng mức đầu tư dự án/cơ quan thẩm định.

- Đối với dự án đầu tư xây dựng, cơ quan chuyên môn về xây dựng, cơ quan chủ trì thẩm định thuộc người quyết định đầu tư yêu cầu chủ đầu tư lựa chọn tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện năng lực để thẩm tra các nội dung cần thiết làm cơ sở cho việc thẩm định: Mức thu phí bằng 50% mức thu phí quy định tại Biểu mức thu phí ban hành kèm theo Thông tư này.

II. THẨM ĐỊNH BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT:

(Thu phí theo Thông tư số 28/2023/TT-BTC ngày 12/5/2023 của Bộ Tài chính)

Phí thẩm định = $(G_{XD} + G_{TB} + G_{QLDA} + G_{TV}) \times$ hệ số %

BIỂU MỨC THU PHÍ THẨM ĐỊNH DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG (PHÍ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO NGHIÊN CỨU KHẢ THI ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HOẶC PHÍ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO KINH TẾ - KỸ THUẬT)

(Ban hành kèm theo Thông tư số 28/2023/TT-BTC ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Tổng mức đầu tư dự án (tỷ đồng)	Tỷ lệ (%)
≤15	0,019
25	0,017

50	0,015
100	0,0125
200	0,01
500	0,0075
1.000	0,0047
2.000	0,0025
5.000	0,002
≥10.000	0,001

Ví dụ:

Thu phí thẩm định BCKTKT: $(G_{xd} + G_{qlda} + G_{tv}) \times 0,019\% \times 50\% = 500.000$ đồng

Phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng tối đa không quá 150.000.000 đồng/tổng mức đầu tư dự án/cơ quan thẩm định và tối thiểu không dưới 500.000 đồng/tổng mức đầu tư dự án/cơ quan thẩm định.

III. THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ:

(Thu phí theo Thông tư số 27/2023/TT-BTC ngày 12/5/2023 của Bộ Tài chính)

- Phí thẩm định thiết kế bản vẽ thi công của cơ quan chuyên môn về xây dựng: $G_{XD} \cdot \text{hệ số} \%$
- Phí thẩm định dự toán xây dựng của cơ quan chuyên môn về xây dựng: $G_{XD} \cdot \text{hệ số} \%$

BIỂU MỨC THU PHÍ THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ, PHÍ THẨM ĐỊNH DỰ TOÁN XÂY DỰNG

(Ban hành kèm theo Thông tư số 27/2023/TT-BTC ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

1. Phí thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở

Đơn vị tính: Tỷ lệ %

Số TT	Loại công trình	Chi phí xây dựng (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) trong dự toán công trình đề nghị thẩm định (tỷ đồng)								
		≤15	50	100	200	500	1.000	2.000	5.000	≥8.000
1	Công trình dân dụng	0,165	0,11	0,085	0,065	0,05	0,041	0,029	0,022	0,019
2	Công trình công nghiệp	0,19	0,126	0,097	0,075	0,058	0,044	0,035	0,026	0,022
3	Công trình giao thông	0,109	0,072	0,055	0,043	0,033	0,025	0,021	0,016	0,014
4	Công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn	0,121	0,08	0,061	0,048	0,037	0,028	0,023	0,017	0,014
5	Công trình hạ tầng kỹ thuật	0,126	0,085	0,065	0,05	0,039	0,03	0,026	0,019	0,017

2. Phí thẩm định dự toán xây dựng

Đơn vị tính: Tỷ lệ %

TT	Loại công trình	Chi phí xây dựng (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) trong dự toán công trình đề nghị thẩm định (tỷ đồng)								
		≤15	50	100	200	500	1.000	2.000	5.000	≥8.000
1	Công trình dân dụng	0,16	0,106	0,083	0,062	0,046	0,038	0,028	0,021	0,018
2	Công trình công nghiệp	0,185	0,121	0,094	0,072	0,055	0,041	0,033	0,023	0,02
3	Công trình giao thông	0,106	0,068	0,054	0,041	0,031	0,024	0,02	0,014	0,012
4	Công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn	0,117	0,076	0,06	0,046	0,035	0,026	0,022	0,016	0,014
	Công trình hạ tầng kỹ thuật	0,122	0,082	0,062	0,047	0,037	0,029	0,024	0,017	0,014

Ví dụ: $G_{XD} = 4.785.904.492$ đồng

- Phí thẩm định thiết kế bản vẽ thi công của cơ quan chuyên môn về xây dựng: $G_{xd} \times 0,1650\% = 7.896.742$ đồng.
- Phí thẩm định dự toán xây dựng của cơ quan chuyên môn về xây dựng: $G_{xd} \times 0,1600\% = 7.657.447$ đồng. /.